

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO VIFARM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO VIFARM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIFARM SMART AGRICULTURE JSC

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 3502356069

3. Ngày thành lập: 05/02/2018

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 17G2 Nguyễn Thái Học, Phường 7, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Điện thoại: 0254.3615868

Fax: 0254.3615868

Email: tony@vifarm.org

Website: www.vifarm.org

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn (Doanh nghiệp không được lập xưởng sản xuất tại các khu dân cư, Địa điểm sản xuất phải phù hợp với quy hoạch của ngành, địa phương, được cấp có thẩm quyền cho phép hoạt động và chỉ được hoạt động khi đảm bảo đủ điều kiện theo quy định của Luật Bảo Vệ Môi Trường và Pháp luật có liên quan)	1075
2.	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia	1103
3.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
4.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
5.	Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hoá chất khác dùng trong nông nghiệp	2021
6.	Bưu chính Chi tiết: Đại lý bưu chính.	5310
7.	Dịch vụ đóng gói	8292
8.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
9.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la (Địa điểm chăn nuôi phải phù hợp quy hoạch của ngành, địa phương và phải đảm bảo đủ điều kiện theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường)	0142
10.	Trồng cây lâu năm khác	0129
11.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0222
12.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
13.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762

14.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621
15.	Trồng rừng và chăm sóc rừng	0210
16.	Khai thác gỗ Chi tiết: Khai thác gỗ rừng trồng.	0221
17.	Thu nhặt sản phẩm từ rừng không phải gỗ và lâm sản khác	0230
18.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
19.	Lập trình máy vi tính	6201
20.	Trồng cây hồ tiêu	0124
21.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
22.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
23.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng các trang trại nông nghiệp, nhà kính, nhà màng...	4290
24.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
25.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
26.	Trồng cây lấy sợi	0116
27.	Trồng cây lấy quả chứa dầu	0122
28.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
29.	Xay xát và sản xuất bột thô (Doanh nghiệp không được lập xưởng sản xuất tại các khu dân cư, Địa điểm sản xuất phải phù hợp với quy hoạch của ngành, địa phương, được cấp có thẩm quyền cho phép hoạt động và chỉ được hoạt động khi đảm bảo đủ điều kiện theo quy định của Luật Bảo Vệ Môi Trường và Pháp luật có liên quan)	1061
30.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột (Doanh nghiệp không được lập xưởng sản xuất tại các khu dân cư, Địa điểm sản xuất phải phù hợp với quy hoạch của ngành, địa phương, được cấp có thẩm quyền cho phép hoạt động và chỉ được hoạt động khi đảm bảo đủ điều kiện theo quy định của Luật Bảo Vệ Môi Trường và Pháp luật có liên quan)	1062
31.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật (Doanh nghiệp không được lập xưởng sản xuất tại các khu dân cư, Địa điểm sản xuất phải phù hợp với quy hoạch của ngành, địa phương, được cấp có thẩm quyền cho phép hoạt động và chỉ được hoạt động khi đảm bảo đủ điều kiện theo quy định của Luật Bảo Vệ Môi Trường và Pháp luật có liên quan)	1040

32.	Sản xuất ca cao, sôcôla và mứt kẹo (Doanh nghiệp không được lập xưởng sản xuất tại các khu dân cư, Địa điểm sản xuất phải phù hợp với quy hoạch của ngành, địa phương, được cấp có thẩm quyền cho phép hoạt động và chỉ được hoạt động khi đảm bảo đủ điều kiện theo quy định của Luật Bảo Vệ Môi Trường và Pháp luật có liên quan)	1073
33.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
34.	Trồng cây mía	0114
35.	Sản xuất các loại bánh từ bột (Doanh nghiệp không được lập xưởng sản xuất tại các khu dân cư, Địa điểm sản xuất phải phù hợp với quy hoạch của ngành, địa phương, được cấp có thẩm quyền cho phép hoạt động và chỉ được hoạt động khi đảm bảo đủ điều kiện theo quy định của Luật Bảo Vệ Môi Trường và Pháp luật có liên quan)	1071
36.	Sản xuất đường (Doanh nghiệp không được lập xưởng sản xuất tại các khu dân cư, Địa điểm sản xuất phải phù hợp với quy hoạch của ngành, địa phương, được cấp có thẩm quyền cho phép hoạt động và chỉ được hoạt động khi đảm bảo đủ điều kiện theo quy định của Luật Bảo Vệ Môi Trường và Pháp luật có liên quan)	1072
37.	Khai thác thủy sản biển	0311
38.	Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh	1101
39.	Sản xuất rượu vang	1102
40.	Chuyên phát	5320
41.	Chăn nuôi khác (Địa điểm chăn nuôi phải phù hợp quy hoạch của ngành, địa phương và phải đảm bảo đủ điều kiện theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường)	0149
42.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
43.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
44.	Xuất bản báo, tạp chí và các ấn phẩm định kỳ	5813
45.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa (Doanh nghiệp không được lập xưởng sản xuất tại các khu dân cư, Địa điểm chế biến phải phù hợp với quy hoạch của ngành, địa phương, được cấp có thẩm quyền cho phép hoạt động và chỉ được hoạt động khi đảm bảo đủ điều kiện theo quy định của Luật Bảo Vệ Môi Trường và Pháp luật có liên quan)	1050
46.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
47.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
48.	Sản xuất thiết bị điện khác Chi tiết: Sản xuất các thiết bị điện phục vụ nông nghiệp.	2790
49.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209

50.	Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật	7210
51.	Điều hành tua du lịch	7912
52.	Xuất bản phần mềm	5820
53.	Chăn nuôi dê, cừu (Địa điểm chăn nuôi phải phù hợp quy hoạch của ngành, địa phương và phải đảm bảo đủ điều kiện theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường)	0144
54.	Chăn nuôi lợn (Địa điểm chăn nuôi phải phù hợp quy hoạch của ngành, địa phương và phải đảm bảo đủ điều kiện theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường)	0145
55.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt (Doanh nghiệp không được lập xưởng sản xuất tại các khu dân cư, Địa điểm chế biến phải phù hợp với quy hoạch của ngành, địa phương, được cấp có thẩm quyền cho phép hoạt động và chỉ được hoạt động khi đảm bảo đủ điều kiện theo quy định của Luật Bảo Vệ Môi Trường và Pháp luật có liên quan)	1010
56.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản (Doanh nghiệp không được lập xưởng sản xuất tại các khu dân cư, Địa điểm sản xuất phải phù hợp với quy hoạch của ngành, địa phương, được cấp có thẩm quyền cho phép hoạt động và chỉ được hoạt động khi đảm bảo đủ điều kiện theo quy định của Luật Bảo Vệ Môi Trường và Pháp luật có liên quan) (trừ chế biến bột cá)	1080
57.	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	2100
58.	Trồng cây hàng năm khác	0119
59.	Trồng cây điều	0123
60.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh	0118(Chính)
61.	Trồng lúa	0111
62.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
63.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
64.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
65.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
66.	Sản xuất giống thủy sản	0323
67.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
68.	Phá dỡ	4311
69.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
70.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
71.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
72.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh	4774
73.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202

74.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
75.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
76.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
77.	Chế biến và bảo quản rau quả (Doanh nghiệp không được lập xưởng sản xuất tại các khu dân cư, Địa điểm chế biến phải phù hợp với quy hoạch của ngành, địa phương, được cấp có thẩm quyền cho phép hoạt động và chỉ được hoạt động khi đảm bảo đủ điều kiện theo quy định của Luật Bảo Vệ Môi Trường và Pháp luật có liên quan)	1030
78.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
79.	Bán buôn thực phẩm	4632
80.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
81.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
82.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
83.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
84.	Chăn nuôi gia cầm (Địa điểm chăn nuôi phải phù hợp quy hoạch của ngành, địa phương và phải đảm bảo đủ điều kiện theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường)	0146
85.	Khai thác thủy sản nội địa	0312
86.	Nuôi trồng thủy sản biển	0321
87.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
88.	Xây dựng nhà các loại	4100
89.	Bán buôn gạo	4631
90.	Bán buôn đồ uống	4633
91.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
92.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
93.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
94.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
95.	Sửa chữa thiết bị khác Chi tiết: Sửa chữa các thiết bị điện phục vụ nông nghiệp.	3319
96.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự (Doanh nghiệp không được lập xưởng sản xuất tại các khu dân cư, Địa điểm sản xuất phải phù hợp với quy hoạch của ngành, địa phương, được cấp có thẩm quyền cho phép hoạt động và chỉ được hoạt động khi đảm bảo đủ điều kiện theo quy định của Luật Bảo Vệ Môi Trường và Pháp luật có liên quan)	1074
97.	Trồng cây thuốc lá, thuốc lào	0115
98.	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117
99.	Trồng cây ăn quả	0121

100.	Trồng cây cao su	0125
101.	Trồng cây cà phê	0126
102.	Trồng cây chè	0127
103.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu	0128
104.	Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp	0130
105.	Chăn nuôi trâu, bò (Địa điểm chăn nuôi phải phù hợp quy hoạch của ngành, địa phương và phải đảm bảo đủ điều kiện theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường)	0141
106.	(Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định. Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Luật Đầu tư)	Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

6. Vốn điều lệ: 10.581.660.000 VNĐ
Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/Cổ phần

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN CAO NHẬT	Xóm 5, Xã Trường Sơn, Huyện Đức Thọ, Tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	45.352	453.520.000	4,286	183659655	
			Tổng số	45.352	453.520.000	4,286		
2	CAO THỊ THÙY DUNG	Xóm 3, Xã Diễn Kỳ, Huyện Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	37.791	377.910.000	3,571	187386166	
			Tổng số	37.791	377.910.000	3,571		
3	CAO ANH TUẤN	H27 Khu Đại An, Phường 9, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	151.166	1.511.660.000	14,286	273477841	
			Tổng số	151.166	1.511.660.000	14,286		
4	PHẠM BẢO TRUNG	Xóm 3, Xã Trường Sơn, Huyện Đức Thọ, Tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	37.791	377.910.000	3,571	183797129	
			Tổng số	37.791	377.910.000	3,571		

5	CAO NHẬT ANH TÚ	H27 Khu Đại An, Phường 9, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	393.033	3.930.330.000	37,143	273636588	
			Tổng số	393.033	3.930.330.000	37,143		
6	CAO XUÂN MẠNH	Xóm 3, Xã Diên Kỳ, Huyện Diên Châu, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	393.033	3.930.330.000	37,143	B7692871	
			Tổng số	393.033	3.930.330.000	37,143		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: CAO NHẬT ANH TÚ

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 30/03/1986

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 273636588

Ngày cấp: 22/05/2014

Nơi cấp: Công an tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: H27 Khu Đại An, Phường 9, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: H27 Khu Đại An, Phường 9, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu